



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Kế toán hành chính sự nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1101020003	Đặng Phương	Anh	31/01/2005	KD11A	01	265	3,5	1	Anh	Lẻ
2	000002	1101020913	Đỗ Vũ Quỳnh	Anh	23/11/2005	KD11A	01	266	7,0	1	Anh	Chẵn
3	000003	1001020038	Nguyễn Hữu	Anh	28/02/2004	KD11A	01	267	3,3	1	Anh	Lẻ
4	000004	1101020018	Nguyễn Nhật	Anh	26/08/2005	KD11A	01	268	3,8	1	Anh	Chẵn
5	000005	1101020023	Nguyễn Thị Lan	Anh	11/01/2005	KD11A	01	269	4,8	1	Lan	Lẻ
6	000006	1101020044	Phạm Thanh	Bình	19/01/2005	KD11A	01	270	4,5	1	Bình	Chẵn
7	000007	1101020050	Đỗ Quyết	Chiến	15/06/2005	KD11A	01	271	M8+	1	Chiến	Lẻ
8	000008	1101020934	Phạm Thị Tuyết	Chinh	02/09/2005	KD11A	01	272	6,0	1	Chinh	Chẵn
9	000009	1101020064	Cầm Minh	Đức	13/12/2005	KD11A	01	273	0,5	1	Đức	Lẻ
10	000010	1101020069	Nguyễn Thị Thùy	Dương	21/01/2003	KD11A	01	274	6,8	1	Dương	Chẵn
11	000011	1101020944	Lê Thị	Duyên	05/04/2005	KD11A	01	275	2,5	1	Duyên	Lẻ
12	000012	1101020081	Cao Thị Thu	Hà	08/02/2005	KD11A	01	276	4,0	1	Hà	Chẵn
13	000013	1101020393	Lê Thị Thu	Hà	21/11/2005	KD11A	01	277	7,3	1	Hà	Lẻ
14	000014	1101020086	Tô Thu	Hà	18/03/2005	KD11A	01	278	3,5	1	Hà	Chẵn
15	000015	1101020953	Mai Thị Thanh	Hằng	06/02/2005	KD11A	01	279	3,0	1	Thanh	Lẻ
16	000016	1101020095	Phan Thị	Hiền	05/10/2005	KD11A	01	280	5,0	1	Niên	Chẵn
17	000017	1101020097	Nguyễn Thị	Hiền	08/11/2005	KD11A	01	281	1,3	1	Hiền	Lẻ
18	000018	1101020963	Vũ Thanh	Hoa	21/11/2005	KD11A	01	282	4,0	1	Hoa	Chẵn
19	000019	1101021358	Hoàng Phi	Hùng	17/07/2003	KD11A	01	283	3,4	1	Hùng	Lẻ
20	000020	1101020969	Nguyễn Lan	Hương	19/04/2005	KD11A	01	284	4,8	1	Hương	Chẵn
21	000021	1001020980	Nguyễn Thị Lan	Hương	30/12/2004	KD11A	01	285	1,3	1	Hương	Lẻ
22	000022	1101020115	Phùng Thị	Hường	07/05/2005	KD11A	01	286	5,3	1	Hường	Chẵn
23	000023	1101020972	Đào Thị Thanh	Huyền	16/09/2005	KD11A	01	287	4,0	1	Huyền	Lẻ
24	000024	0810211730	Nguyễn Văn	Khải	18/10/2002	KD11A	01	288	6,8	1	Khải	Chẵn
25	000025	1101020587	Nguyễn Thị Quỳnh	Liên	12/09/2005	KD11A	01	289	3,8	1	Liên	Lẻ
26	000026	1101020153	Ngô Phương	Linh	23/01/2005	KD11A	01	290	4,5	1	Phu	Chẵn
27	000027	1101020986	Nguyễn Thị Khánh	Linh	23/04/2005	KD11A	01	291	5,5	1	Linh	Lẻ
28	000028	1101020158	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	26/01/2005	KD11A	01	292	5,3	1	Linh	Chẵn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000029	1101021381	Phạm Thùy	Linh	03/10/2005	KD11A	01	293	5,4	01	Linh	le
30	000030	1101020170	Nguyễn Minh	Loan	25/07/2005	KD11A	01	294	7,8	01	Loan	Chấn
31	000031	1101020621	Đỗ Thị Tuyết	Mai	26/11/2005	KD11A	01	295	4,3	01	Mai	le
32	000032	1101020997	Trần Nguyễn Thảo	My	28/08/2005	KD11A	01	296	5,5	01	My	Chấn
33	000033	1101021006	Phạm Thị	Ngân	15/08/2003	KD11A	01	297	2,2	01	Ngân	le
34	000034	1101020206	Nguyễn Bích	Ngọc	03/10/2005	KD11A	01	298	6,3	01	Ngọc	Chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 34.....

Tổng số tờ giấy thi: 34.....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 09 tháng 01 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Đào Thị Hằng

Đặng Thị Hiền



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026
Học phần: Kế toán hành chính sự nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000035	1101021338	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	13/12/2005	KD11A	01	197	4,0	1	Ngọc	Lê
2	000036	1001020243	Đỗ Quốc	Oai	01/01/2004	KD11A	01	198	4,3	1	Quai	chấn
3	000037	1101020244	Thái Minh	Quân	09/02/2005	KD11A	01	199	1,8	1	Quân	lê
4	000038	1101021341	Lê Thị Như	Quỳnh	17/04/2005	KD11A	01	200	4,5	1	Quỳnh	chấn
5	000039	1101021031	Nguyễn Minh	Tâm	24/06/2005	KD11A	01	201	3,0	1	Tâm	lê
6	000040	1101020266	Nguyễn Phương	Thảo	11/02/2005	KD11A	01	202	6,0	1	Thảo	chấn
7	000041	1101020273	Đỗ Minh	Thư	14/03/2005	KD11A	01	203	4,1	1	Thư	lê
8	000042	1101020277	Phạm Thị	Thư	25/02/2005	KD11A	01	204	5,3	1	Thư	chấn
9	000043	1101020284	Hoàng Thị	Thúy	03/11/2005	KD11A	01	205	8,8	1	Thúy	lê
10	000044	1101021050	Đào Huyền	Trang	03/06/2005	KD11A	01	206	5,3	1	Trang	chấn
11	000045	1101020299	Nguyễn Mai	Trang	26/03/2005	KD11A	01	207	2,5	1	Trang	lê
12	000046	1101020303	Nguyễn Thị Hà	Trang	28/10/2005	KD11A	01	208	7,5	1	Trang	chấn
13	000047	1101021055	Nguyễn Thị Huyền	Trang	14/06/2005	KD11A	01	209	2,3	1	Trang	lê
14	000048	1101021059	Phương Thùy	Trang	30/07/2005	KD11A	01	210	5,0	1	Trang	chấn
15	000049	1101021063	Nguyễn Duy	Tuân	03/05/2005	KD11A	01	211	1,3	1	Tuân	lê
16	000050	1101020318	Cao Thị Thanh	Tuyền	12/06/2005	KD11A	01	212	5,5	1	Tuyền	chấn
17	000051	1101020322	Nguyễn Thái	Vân	07/12/2005	KD11A	01	213	6,1	1	Thái	lê
18	000052	1101021070	Ngô Hải	Yến	04/01/2005	KD11A	01	214	6,0	1	Yến	chấn
19	000053	1001020101	Nguyễn Trà	Giang	26/02/2004	KD11E	01	215	5,3	1	Giang	lê
20	000054	0810211204	Nguyễn Trần Thiên	Son	26/07/2002	KD8D	01	216	7,3	1	Son	chấn
21	000055	1001030512	Nguyễn Thành	Đạt	27/08/2004	QT10A	01	217	3,3	1	Đạt	lê
22	000056	1001030532	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	05/08/2004	QT10A	01	218	4,5	1	Thị Mỹ	chấn
23	000057	1001020308	Chu Thị Huyền	Trang	27/10/2004	KD10G	02	219	4,0	1	Trang	lê
24	000058	1101020002	Bùi Quế	Anh	14/08/2005	KD11B	02	220	3,8	1	Anh	chấn
25	000059	1101021260	Dương Phương	Anh	10/12/2005	KD11B	02	221	4,8	1	Anh	lê
26	000060	1101021343	Nguyễn Quỳnh	Anh	13/09/2005	KD11B	02	222	4,0	1	Anh	chấn
27	000061	1001020936	Nguyễn Thị Vân	Anh	18/12/2004	KD11B	02	223	4,3	1	Anh	lê
28	000062	1101020027	Phạm Lan	Anh	16/04/2005	KD11B	02	224	4,5	1	Anh	chấn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000063	1001020053	Tạ Tuấn	Anh	28/08/2004	KD11B	02	225	4,3	1	Anh	lẻ
30	000064	1001020059	Nguyễn Ngọc	Ánh	29/04/2004	KD11B	02	226	3,0	1	Ánh	chẵn
31	000065	1001020069	Phạm Ngọc	Bích	11/08/2004	KD11B	02	227	3,8	1	Bích	lẻ
32	000066	1101020058	Nguyễn Thị	Diễm	03/03/2005	KD11B	02	228	3,8	1	Diễm	chẵn
33	000067	1101020065	Nguyễn Hữu	Đức	29/06/2005	KD11B	02	229	2,3	1	Đức	lẻ
34	000068	1101020070	Ninh Thị Thùy	Dương	25/05/2005	KD11B	02	230	4,8	1	Dương	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: ...34...

Tổng số tờ giấy thi: ...34...

Tổng số biên bản: ...0...

Ngày ...9... tháng ...1... Năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Đan Thị Phương Tuy
Trần Thu Trang



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Kế toán hành chính sự nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000069	1101020071	Phạm Thị Thùy	Dương	05/12/2005	KD11B	02	331	4,0	1	Đương	Lê
2	000070	1101020073	Bùi Vũ Thùy	Giang	19/08/2005	KD11B	02	330	5,0	1	Giang	Chấn
3	000071	1101020535	Trần Thị Hương	Giang	02/01/2005	KD11B	02	329	4,0	1	Giang	Lê
4	000072	1101020080	Vũ Thị	Giang	23/05/2005	KD11B	02	328	5,8	1	Giang	Chấn
5	000073	1101020087	Trần Thu	Hà	14/05/2005	KD11B	02	327	3,7	1	na	lê
6	000074	1101020100	Nguyễn Thị	Hoa	22/09/2005	KD11B	02	326	6,3	1	Hoa	Chấn
7	000075	1101020562	Phùng Tuấn	Hùng	01/06/2005	KD11B	02	325	4,5	1	Hùng	Lê
8	000076	1101020968	Đỗ Thị Lan	Hương	12/03/2005	KD11B	02	324	5,0	1	Hương	Chấn
9	000077	1101020116	Đỗ Thanh	Huyền	10/10/2005	KD11B	02	323	4,3	1	Thanh	Lê
10	000078	1101021281	Nguyễn Thị Minh	Huyền	21/05/2005	KD11B	02	322	7,8	1	Huyền	Chấn
11	000079	1101020132	Đỗ Ngọc	Lan	03/08/2005	KD11B	02	321	3,7	1	Lan	Lê
12	000080	1101020980	Trần Thị Phương	Liên	23/10/2005	KD11B	02	320	5,8	1	Liên	Chấn
13	000081	1101020149	Lương Thị Ngọc	Linh	22/08/2005	KD11B	02	319	4,2	1	Linh	Lê
14	000082	1101020984	Nguyễn Khánh	Linh	20/03/2005	KD11B	02	318	5,5	1	Khánh	Chấn
15	000083	1101020160	Nguyễn Thùy	Linh	17/12/2005	KD11B	02	317	4,4	1	Linh	Lê
16	000084	1101020171	Nguyễn Thị Phương	Loan	03/07/2005	KD11B	02	316	7,8	1	Loan	Chấn
17	000085	1101021337	Phùng Thị Hải	Ly	24/03/2005	KD11B	02	315	5,8	1	Ly	Lê
18	000086	1101021336	Bùi Thanh	Mai	16/02/2005	KD11B	02	314	6,0	1	Mai	Chấn
19	000087	1101021349	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	09/02/2005	KD11B	02	313	4,0	1	Mai	Lê
20	000088	1101020185	Nguyễn Tuyết	Mai	10/12/2005	KD11B	02	312	5,3	1	Mai	Chấn
21	000089	1101021000	Phạm Phương	Nam	08/11/2005	KD11B	02	311	5,6	1	Nam	Lê
22	000090	1101020202	Nguyễn Thị Hồng	Ngát	26/06/2005	KD11B	02	310	2,8	1	Ngát	Chấn
23	000091	1101020413	Nguyễn Thị Khánh	Ngọc	19/03/2005	KD11B	02	309	8,0	1	Ngọc	Lê
24	000092	1001021556	Chu Yến	Nhi	04/08/2004	KD11B	02	308	1,5	1	Nhi	Chấn
25	000093	1101020878	Đỗ Trang	Nhung	10/06/2005	KD11B	02	307	6,5	1	Nhung	Lê
26	000094	1101020226	Nguyễn Cẩm	Nhung	02/11/2005	KD11B	02	306	6,0	1	Nhung	Chấn
27	000095	1101020667	Lê Thanh	Phúc	03/05/2005	KD11B	02	305	3,4	1	Thanh	Lê
28	000096	1101020232	Bùi Thu	Phương	12/06/2005	KD11B	02	304	5,3	1	Phương	Chấn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000097	1101020241	Trần Thị Hoài	Phương	28/07/2005	KD11B	02	303	3,7	01	Phu	le
30	000098	1101020251	Nguyễn Như	Quỳnh	02/05/2005	KD11B	02	302	4,5	01	guy	chấn
31	000099	1101020256	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	30/09/2005	KD11B	02					HP,ĐK
32	000100	1101021033	Hoàng Thị Phương	Thảo	29/05/2005	KD11B	02	301	4,8	01	Thảo	chảo
33	000101	1101021396	Nguyễn Thị	Thảo	03/02/2005	KD11B	02	300	4,4	01	Thảo	le
34	000102	1101020271	Vũ Thị Ngọc	Thu	19/10/2005	KD11B	02	299	4,0	01	Thu	Chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 33

Tổng số tờ giấy thi: 33

Tổng số biên bản: 3

Ngày 09 tháng 1 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Trần Thị Lucia

Trần Thị Lucia



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Kế toán hành chính sự nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000103	1101020278	Phạm Thị Minh	Thư	24/04/2005	KD11B	02					ĐK
2	000104	1101020285	Lê Thị Phương	Thùy	14/03/2005	KD11B	02	164	4,8	1	Thùy	chấn
3	000105	1101020290	Lê Thị Thuý	Tinh	23/10/2005	KD11B	02	165	5,3	1	Tinh	lẻ
4	000106	1101020300	Nguyễn Quỳnh	Trang	10/03/2005	KD11B	02	166	7,3	1	Trang	chấn
5	000107	1101020305	Nguyễn Thị Thu	Trang	02/07/2005	KD11B	02	167	5,8	1	Trang	lẻ
6	000108	1101020309	Trần Huyền	Trang	15/08/2005	KD11B	02	168	6,5	1	Trang	chấn
7	000109	1101020315	Nguyễn Việt	Tuấn	20/01/2005	KD11B	02	169	6,8	1	Tuấn	lẻ
8	000110	1101021066	Phạm Ngọc	Vi	04/10/2004	KD11B	02	170	7,3	1	Vi	chấn
9	000111	1101020748	Nguyễn Quang	Vinh	13/03/2004	KD11B	02	171	5,5	1	Vinh	lẻ
10	000112	1101020331	Bùi Thị	Yến	11/01/2005	KD11B	02	172	5,5	1	Yến	chấn
11	000113	1001020145	Cao Đức	Huy	28/08/2004	KD11C	02	173	4,5	1	Huy	lẻ
12	000114	1001020926	Phạm Thị Thúy	An	11/11/2004	KD11C	03	174	2,3	1	An	chấn
13	000115	1101021258	Đặng Trần Tuấn	Anh	20/01/2005	KD11C	03	175	5,0	1	Anh	lẻ
14	000116	1101020013	Hoàng Thị Lan	Anh	24/09/2005	KD11C	03	176	4,5	01	Anh	chấn
15	000117	1101020014	Nghiêm Thị Quỳnh	Anh	15/06/2005	KD11C	03	177	4,6	01	Q. Anh	lẻ
16	000118	1101020022	Nguyễn Thị Hải	Anh	02/06/2005	KD11C	03	178	3,8	01	H. Anh	chấn
17	000119	1101020026	Phạm Hoàng Hà	Anh	08/07/2005	KD11C	03	179	4,9	01	Hà	lẻ
18	000120	1101020032	Trương Thị Mai	Anh	11/09/2005	KD11C	03	180	4,8	01	Anh	chấn
19	000121	1101020034	Vũ Thị Hồng	Anh	10/09/2005	KD11C	03	181	5,8	01	Anh	lẻ
20	000122	1101020927	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	10/04/2005	KD11C	03	182	6,0	01	Ánh	chấn
21	000123	1101020039	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	21/05/2005	KD11C	03	183	5,0	01	Ánh	lẻ
22	000124	1101020041	Phạm Ngọc	Ánh	30/08/2005	KD11C	03	184	3,8	01	Anh	chấn
23	000125	1101021413	Đặng Thị Linh	Chi	04/01/2005	KD11C	03	185	6,8	01	Chi	chấn
24	000126	1101020054	Nguyễn Thị Anh	Đào	02/01/2005	KD11C	03	186	4,0	01	Đào	chấn
25	000127	1101020066	Nguyễn Thanh	Dung	31/12/2005	KD11C	03	187	4,0	01	Dung	lẻ
26	000128	1101020941	Trịnh Công	Dương	23/11/2005	KD11C	03	188	3,0	01	Dương	chấn
27	000129	1101020075	Đào Thị Hương	Giang	21/07/2005	KD11C	03	189	4,8	01	Giang	lẻ
28	000130	1101020948	Lê Thị Thu	Hà	01/07/2005	KD11C	03	190	3,5	01	Hà	chấn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000131	1101020088	Trần Đình	Hải	09/03/2005	KD11C	03	191	4,0	01	Hải	lẻ
30	000132	1101021452	Nguyễn Hồng	Hạnh	05/11/2004	KD11C	03	192	4,0	01	Hạnh	chẵn
31	000133	1101020101	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	18/04/2005	KD11C	03	193	4,1	01	Hòa	lẻ
32	000134	1101021342	Nguyễn Thanh	Hoài	19/08/2005	KD11C	03	194	4,8	01	Hoài	chẵn
33	000135	1101020112	Nguyễn Thị Thanh	Hương	21/09/2005	KD11C	03	195	4,8	01	Hương	lẻ
34	000136	1101020126	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	13/04/2005	KD11C	03	196	4,0	01	Ngọc	chẵn

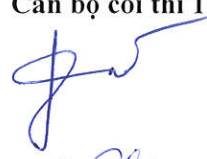
Tổng số sinh viên dự thi: 33.....

Tổng số tờ giấy thi: 33.....

Tổng số biên bản: 02.....

Ngày 09. tháng 01 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2


Nguyễn Thị Đào


Nguyễn Hữu An



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Kế toán hành chính sự nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000137	1101020593	Đoàn Phương	Linh	09/10/2005	KD11C	03	231	5,9	01	Linh	le'
2	000138	1101020146	Lê Nguyễn Thùy	Linh	23/09/2005	KD11C	03	232	5,3	01	linh	chấn
3	000139	1101020162	Phạm Thùy	Linh	07/03/2005	KD11C	03	233	6,0	01	Linh	le'
4	000140	1101020164	Trần Phương	Linh	07/04/2005	KD11C	03	234	5,0	01	Linh	chấn
5	000141	1101020165	Vũ Hà	Linh	30/07/2005	KD11C	03	235	8,0	01	Linh	le'
6	000142	1101020173	Trương Thị	Luyến	20/10/2005	KD11C	03	236	5,3	01	Luyen	chấn
7	000143	1101020199	Lê Hồng	Ngân	11/07/2005	KD11C	03	237	6,3	01	Ngân	le'
8	000144	1101020203	Bùi Thị	Ngọc	15/09/2005	KD11C	03	238	5,1	01	Ngọc	chấn
9	000145	1101020208	Phạm Ánh	Ngọc	25/11/2005	KD11C	03	239	7,8	01	Ngọc	le'
10	000146	1001021034	Dương Hoàng	Nhi	14/12/2003	KD11C	03	240	4,0	01	Nhi	chấn
11	000147	1101020216	Kiều Yến	Nhi	24/10/2005	KD11C	03	241	8,8	01	Nhi	le'
12	000148	1101021016	Nguyễn Hồng	Nhung	29/05/2005	KD11C	03	242	5,3	01	Nhung	chấn
13	000149	1101021022	Chu Lan	Phương	05/07/2005	KD11C	03	243	7,5	01	Phuong	le'
14	000150	1101021024	Trịnh Thu	Phương	08/11/2005	KD11C	03	244	4,3	01	Phuong	chấn
15	000151	1101020252	Nguyễn Thị	Quỳnh	29/04/2005	KD11C	03	245	4,0	01	Quỳnh	le'
16	000152	1101020259	Bùi Thị Phương	Thanh	23/11/2005	KD11C	03	246	5,6	01	Thanh	chấn
17	000153	1101021034	Hoàng Thị Thu	Thảo	04/11/2005	KD11C	03	247	8,0	01	Thảo	le'
18	000154	1101020706	Cầm Văn	Thù	25/01/2005	KD11C	03	248	5,8	01	Thù	chấn
19	000155	1101020279	Lều Hồng	Thức	05/10/2005	KD11C	03	249	7,5	01	Thức	le'
20	000156	1101020286	Trần Phương	Thùy	20/01/2005	KD11C	03	250	5,6	01	Thùy	chấn
21	000157	1101020902	Đinh Thị Yến	Trang	29/01/2005	KD11C	03	251	8,3	01	Trang	le'
22	000158	1101020301	Nguyễn Quỳnh	Trang	08/10/2005	KD11C	03	252	5,3	01	trang	chấn
23	000159	1101020310	Trần Thị Huyền	Trang	30/08/2005	KD11C	03	253	7,9	01	Trang	le'
24	000160	1001020326	Đỗ Quang	Tùng	13/09/2004	KD11C	03	254	3,0	01	Tùng	chấn
25	000161	1101021067	Phạm Đức	Việt	22/08/2005	KD11C	03	255	7,8	01	Việt	le'
26	000162	1101020326	Nguyễn Hà	Vy	18/04/2005	KD11C	03	256	7,8	01	Vy	chấn
27	000163	0901020644	Nguyễn Phương	Anh	01/12/2003	KD10D	04	257	7,0	01	Anh	le' đat c
28	000164	1101020005	Đào Ngọc	Anh	22/07/2005	KD11D	04	258	6,5	01	Anh	chấn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000165	1101020012	Đông Mai	Anh	01/05/2003	KD11D	04	259	7,5	01	Anh	Lê
30	000166	1101020015	Ngô Hoàng	Anh	16/10/2005	KD11D	04	210	6,8	01	chil	chun
31	000167	1101020024	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	30/01/2005	KD11D	04	261	7,5	01	Anh	Lê
32	000168	1101020030	Trần Diệu	Anh	15/01/2005	KD11D	04	262	5,8	01	Ag	chun
33	000169	1101020035	Vũ Thị Phương	Anh	16/07/2005	KD11D	04	263	6,5	01	Al	Lê
34	000170	1101021328	Trần Quốc Việt	Bách	01/09/2002	KD11D	04	264	2,5	01	Bach	chun

Tổng số sinh viên dự thi: ...34....

Tổng số tờ giấy thi: ...34....

Tổng số biên bản:0....

Ngày .09. tháng 01 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2


Nguyễn Thanh Bình


Kim Thị Hân



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Kế toán hành chính sự nghiệp

Nhà 6

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000171	1101020511	Lộc Thành	Đạt	13/09/2005	KD11D	04	332	7,5	01	Đạt	Lẻ
2	000172	1101020067	Đào Thị Thùy	Dương	22/12/2005	KD11D	04	333	4,5	01	Đào	Chẵn
3	000173	1101021346	Đặng Ngọc	Duy	11/11/2004	KD11D	04					HP,ĐK
4	000174	1101020076	Phạm Thị Hương	Giang	10/02/2005	KD11D	04	334	6,5	01	Giang	Chẵn
5	000175	1101021339	Lê Thị Thu	Hà	21/11/2005	KD11D	04	335	4,5	01	Hà	Lẻ
6	000176	1101020809	Nguyễn Thu	Hà	14/01/2005	KD11D	04	336	6,5	01	Hà	Chẵn
7	000177	1101020089	Trần Minh	Hải	12/10/2005	KD11D	04	337	3,8	01	Hải	Lẻ
8	000178	1101020093	Phạm Thu	Hằng	23/09/2005	KD11D	04	338	4,0	01	Hằng	Chẵn
9	000179	1101021182	Nguyễn Như	Hanh	17/11/2005	KD11D	04	339	4,5	01	Hanh	Lẻ
10	000180	1101020096	Đinh Thúy	Hiền	21/05/2005	KD11D	04	340	5,5	01	Hiền	Chẵn
11	000181	1101020959	Bùi Công	Hiếu	08/04/2005	KD11D	04	341	8,0	01	Huân	Lẻ
12	000182	1101021443	Phạm Đức	Hiếu	02/08/2000	KD11D	04	342	7,8	01	Hiếu	Chẵn
13	000183	1101020962	Nguyễn Quỳnh	Hoa	19/04/2005	KD11D	04	343	9,4	01	Hoa	Lẻ
14	000184	1101020108	Đinh Thúy	Hồng	05/11/2005	KD11D	04	344	4,0	01	Hồng	Chẵn
15	000185	1101021329	Phạm Thu	Hường	18/08/2000	KD11D	04	345	9,8	01	Huân	Lẻ
16	000186	1101020117	Đỗ Thị Khánh	Huyền	23/09/2005	KD11D	04	346	5,0	01	Huân	Chẵn
17	000187	1101020121	Nguyễn Ngọc	Huyền	30/04/2005	KD11D	04	347	8,4	01	Huân	Lẻ
18	000188	1101021330	Nguyễn Thu	Huyền	01/10/2005	KD11D	04	348	6,5	01	Huân	Chẵn
19	000189	1101020135	Nguyễn Ngọc	Lan	10/09/2005	KD11D	04	349	4,2	01	Lan	Lẻ
20	000190	1101020141	Đặng Mạnh	Linh	11/07/2005	KD11D	04	350	4,8	01	Linh	Chẵn
21	000191	1101020145	Hoàng Thị Thùy	Linh	11/12/2005	KD11D	04	351	8,8	01	linh	Lẻ
22	000192	1101020155	Nguyễn Thị Diệu	Linh	21/08/2005	KD11D	04	352	3,8	01	Đinh	Chẵn
23	000193	1101020167	Vũ Quang	Linh	29/07/2005	KD11D	04	353	1,8	01	Linh	Lẻ
24	000194	1101020178	Trần Thị Vân	Ly	10/10/2005	KD11D	04	354	4,5	01	Ly	Chẵn
25	000195	1101020181	Đặng Ngọc	Mai	11/07/2005	KD11D	04	355	5,7	01	Mai	Lẻ
26	000196	1101020189	Trần Vũ Hồng	Minh	04/12/2005	KD11D	04	356	3,3	01	Minh	Chẵn
27	000197	1101020190	Vũ Thị Nguyệt	Minh	11/10/2005	KD11D	04	357	8,5	01	Minh	Lẻ
28	000198	1101021437	Đỗ Thị Thục	Mỹ	15/04/2005	KD11D	04	358	3,8	01	Mỹ	Chẵn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000199	1101020196	Lê Thị	Nga	23/09/2005	KD11D	04	259	5,0	1	Nga	Lê?
30	000200	1101021011	Hoàng Thị Huyền	Ngọc	24/07/2005	KD11D	04	260	4,5	1	Ngọc	Chấn
31	000201	1101020209	Nguyễn Đình	Nguyên	08/09/2005	KD11D	04	261	9,5	1	Nguyễn	Lì
32	000202	1101020217	Nguyễn Ngọc	Nhi	15/05/2005	KD11D	04	362	4,3	1	Nhi	Chấn
33	000203	1101020224	Nguyễn Thị	Như Ý	14/07/2005	KD11D	04	363	6,0	1	ý	Lô?
34	000204	1101021017	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	06/04/2005	KD11D	04	364	4,0	1	Nhung	Chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 33....

Tổng số tờ giấy thi: 33....

Tổng số biên bản: 9....

Ngày 09 tháng 1 năm 2025

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Hoàng Thị Hoàn

Phạm Thuý Nga



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Kế toán hành chính sự nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000205	1101020235	Lê Thị Thu	Phương	14/03/2005	KD11D	04	101	5,0	01	Phương	Lẻ
2	000206	1101020247	Đào Diễm	Quỳnh	26/12/2005	KD11D	04	102	4,5	01	Quỳnh	chẵn
3	000207	1101020253	Trần Thị Diệu	Quỳnh	28/07/2005	KD11D	04	103	1,8	01	Quỳnh	Lẻ
4	000208	1101021032	Đào Thị	Thanh	22/08/2005	KD11D	04	104	9,3	01	Thanh	chẵn
5	000209	1101020263	Lê Thị	Thảo	17/10/2005	KD11D	04	105	8,3	01	Thảo	Lẻ
6	000210	1101021038	Nguyễn Thu	Thảo	29/05/2005	KD11D	04	106	4,3	01	Thảo	chẵn
7	000211	1101021393	Nguyễn Thị Anh	Thư	02/12/2005	KD11D	04	107	3,9	01	Thư	Lẻ
8	000212	1101020281	Nguyễn Hoài	Thương	28/07/2005	KD11D	04	108	6,8	01	Thương	chẵn
9	000213	1101020287	Đặng Thanh	Thủy	04/08/2005	KD11D	04	109	4,9	01	Thủy	Lẻ
10	000214	1101020296	Lê Hà	Trang	24/11/2005	KD11D	04	110	8,8	01	Trang	chẵn
11	000215	1101020302	Nguyễn Quỳnh	Trang	31/07/2005	KD11D	04					HP,ĐK
12	000216	1101020311	Vũ Quang	Triển	08/10/2005	KD11D	04	111	3,3	01	Triển	chẵn
13	000217	1101021065	Phùng Phương	Uyên	01/01/2005	KD11D	04	112	4,0	01	Uyên	Lẻ
14	000218	1101020324	Nguyễn Thị Hồng	Vinh	22/11/2005	KD11D	04	113	4,3	01	Vinh	chẵn
15	000219	1101021410	Đặng Thị	Yến	06/02/2003	KD11D	04	114	1,5	01	Yến	Lẻ
16	000220	1101020333	Nguyễn Hải	Yến	29/06/2005	KD11D	04	115	3,3	01	Yến	chẵn
17	000221	0901020908	Kim Phương	Hoài	13/10/2003	KD9E	04	116	2,1	01	Hoài	Lẻ
18	000222	1101020004	Đặng Thị Ngọc	Anh	23/08/2005	KD11E	05	117	1,3	01	Anh	chẵn
19	000223	1101020008	Đỗ Thị Mai	Anh	08/10/2005	KD11E	05	118	4,5	01	Anh	Lẻ
20	000224	1101020016	Nguyễn Diệp	Anh	17/09/2005	KD11E	05	119	4,0	01	Anh	chẵn
21	000225	1101020019	Nguyễn Phương	Anh	06/11/2005	KD11E	05	120	5,8	01	Anh	Lẻ
22	000226	1101020025	Nguyễn Văn	Anh	01/12/2005	KD11E	05	121	2,8	01	Anh	chẵn
23	000227	1101020921	Trần Hoài	Anh	17/12/2005	KD11E	05	122	3,9	01	Anh	Lẻ
24	000228	1101020925	Lê Minh	Ánh	07/05/2005	KD11E	05	123	5,5	01	Anh	chẵn
25	000229	1101020040	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	21/10/2005	KD11E	05	124	5,9	01	Anh	Lẻ
26	000230	1101020043	Nguyễn Thanh	Bình	02/12/2005	KD11E	05	125	3,5	01	Bình	chẵn
27	000231	1101020053	Phùng Ngọc	Chúc	05/07/2005	KD11E	05	126	4,0	01	Chúc	Lẻ
28	000232	1001021433	Đình Thành	Đạt	17/03/2004	KD11E	05	127	4,5	01	Đạt	HP ^{chẵn} _{đủ nộp}

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000233	1101020059	Vương Thị	Diễn	19/08/2005	KD11E	05	128	6,5	01	Diễn	le
30	000234	1101020061	Nguyễn Thị	Diệp	17/03/2005	KD11E	05	129	3,5	01	Suy	chấn
31	000235	1101021076	Lê Thùy	Dương	16/10/2005	KD11E	05	130	3,0	01	Dương	le'
32	000236	1101020072	Phạm Hải	Duy	22/11/2005	KD11E	05	131	3,5	01	ĐD	chấn
33	000237	1101020074	Đặng Trà	Giang	15/03/2005	KD11E	05	132	7,0	01	Giàng	le'
34	000238	1101020084	Phạm Thị Hồng	Hà	01/03/2005	KD11E	05	133	5,0	01	Hà	chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 33.....

Tổng số tờ giấy thi: 33.....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 09 tháng 01 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Phan T. T. Hường Trương Thị Thanh Loan



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026
Học phần: Kế toán hành chính sự nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000239	1101020090	Lê Nguyễn Minh	Hằng	01/10/2005	KD11E	05	67	6,9	01	Hằng	le
2	000240	1101020957	Nguyễn Thị	Hào	16/07/2005	KD11E	05	68	8,5	01	Hào	chấn
3	000241	1101020103	Đặng Thị	Hoàn	26/10/2004	KD11E	05	69	8,5	01	Hoàn	le
4	000242	1101020970	Nguyễn Thị	Hương	25/10/2005	KD11E	05	70	5,5	01	Hương	chấn
5	000243	1101020114	Phạm Thúy	Hường	02/10/2005	KD11E	05	71	9,8	01	Hường	le
6	000244	1101020122	Nguyễn Ngọc	Huyền	22/04/2005	KD11E	05	72	5,8	01	Huyền	chấn
7	000245	1101020129	Phạm Quốc	Khánh	02/09/2005	KD11E	05	73	4,3	01	Khánh	le
8	000246	1101020976	Vũ Ngọc	Khánh	13/10/2005	KD11E	05	74	6,8	01	Khánh	chấn
9	000247	1101020138	Vũ Thị	Lan	28/02/2005	KD11E	05	75	5,9	01	Lan	le
10	000248	1101020979	Cà Nhật Minh Ái	Lệ	01/08/2005	KD11E	05	76	8,0	01	Lệ	chấn
11	000249	1101020148	Lương Hải Khánh	Linh	02/09/2005	KD11E	05	77	8,0	01	Linh	le
12	000250	1101020156	Nguyễn Thị Hải	Linh	28/08/2005	KD11E	05	78	5,8	01	Linh	chấn
13	000251	1101020989	Vũ Thị Diệu	Linh	19/05/2005	KD11E	05	79	4,4	01	Linh	le
14	000252	1101020169	Đinh Thị Ngọc	Loan	03/08/2005	KD11E	05	80	5,8	01	Loan	chấn
15	000253	1101020175	Nguyễn Cẩm	Ly	01/07/2005	KD11E	05	81	8,5	01	Ly	le
16	000254	1101030618	Vương Thị Diệu	Ly	11/12/2005	KD11E	05	82	6,3	01	Ly	chấn
17	000255	1101020182	Đỗ Ngọc	Mai	17/08/2005	KD11E	05	83	8,5	01	Mai	le
18	000256	1101020995	Khổng Xuân	Mơ	10/05/2005	KD11E	05	84	5,0	01	Mơ	chấn
19	000257	1101021291	Nguyễn Thị	Nga	05/02/2004	KD11E	05	85	9,0	01	Nga	le
20	000258	1101021132	Nguyễn Thị Thúy	Nga	14/01/2005	KD11E	05	86	5,3	01	Nga	chấn
21	000259	1101020205	Đỗ Lê Hoàng	Ngọc	19/02/2005	KD11E	05	87	9,0	01	Ngọc	le
22	000260	1101021013	Lương Bảo	Ngọc	07/06/2005	KD11E	05	88	4,8	01	Ngọc	chấn
23	000261	1101020210	Nguyễn Thị	Nguyên	09/02/2005	KD11E	05	89	8,5	1	Nguyên	le
24	000262	1101020218	Nguyễn Thị Yên	Nhi	26/10/2005	KD11E	05	90	4,0	01	Nhi	chấn
25	000263	1101021364	Phạm Hồng	Nhung	03/08/2005	KD11E	05	91	8,4	1	Nhung	le
26	000264	1101020249	Đỗ Thị Như	Quỳnh	22/04/2005	KD11E	05	92	7,8	1	Quỳnh	chấn
27	000265	1101020254	Vũ Thị	Quỳnh	17/02/2005	KD11E	05	93	8,0	1	Quỳnh	le
28	000266	1101020260	Trương Kiều	Thanh	26/03/2005	KD11E	05	94	6,3	1	Thanh	chấn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000267	1101020264	Nguyễn Phương	Thảo	11/10/2005	KD11E	05	95	6,8	01	Thảo	lẻ
30	000268	1101020268	Nguyễn Vi	Thảo	10/01/2005	KD11E	05	96	6,0	01	Vi	chẵn
31	000269	1101020275	Lương Anh	Thư	01/07/2005	KD11E	05	97	8,5	01	B	lẻ
32	000270	1101020282	Nông Hạ	Thương	06/11/2005	KD11E	05	98	4,0	01	NH	chẵn
33	000271	1101021046	Nguyễn Thủy	Tiên	11/11/2005	KD11E	05	99	8,8	01	Tiên	lẻ
34	000272	1101021054	Nguyễn Thị	Trang	15/08/2005	KD11E	05	100	6,0	01	Trang	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 34.....

Tổng số tờ giấy thi: 34.....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 29 tháng 01 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Đỗ Thị Loan

Tô Xuân Hải



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Kế toán hành chính sự nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000273	1101020308	Nguyễn Thùy	Trang	14/08/2005	KD11E	05	1	9,0	01	Trang	le'
2	000274	1101021335	Lê Minh	Tú	22/10/2004	KD11E	05	2	8,3	01	Tú	chấn
3	000275	1101020316	Phạm Minh	Tuấn	08/09/2005	KD11E	05	3	8,3	01	Tuấn	le'
4	000276	1101020320	Đỗ Hồng	Vân	08/05/2005	KD11E	05	4	4,3	01	Vân	chấn
5	000277	1101020325	Đỗ Quốc	Vương	24/09/2005	KD11E	05	5	6,8	01	Vương	le'
6	000278	1101021428	Triệu Thị Hà	Vy	24/10/2005	KD11E	05	6	3,3	01	Vy	chấn
7	000279	1101020022	Đỗ Quốc	Anh	28/02/2004	KD10G	06					HP,ĐK
8	000280	1101020011	Đỗ Văn	Anh	06/10/2005	KD11G	06	7	2,0	01	Anh	đian
9	000281	1101020017	Nguyễn Kim Hoàng	Anh	18/08/2005	KD11G	06	8	6,8	01	Anh	le'
10	000282	1101021352	Nguyễn Việt	Anh	26/04/2004	KD11G	06					HP,ĐK
11	000283	1101020028	Phạm Phương	Anh	01/08/2005	KD11G	06	9	2,8	01	Anh	le'
12	000284	1101020487	Phùng Thùy	Anh	15/02/2005	KD11G	06	10	4,5	01	Thùy	chấn
13	000285	1101020777	Trần Thị Phương	Anh	28/07/2005	KD11G	06	11	5,3	01	Phương	le'
14	000286	1101020045	Phạm Thanh	Bình	11/11/2005	KD11G	06	12	4,3	01	Bình	chấn
15	000287	1101020932	Đinh Thị	Châm	25/11/2005	KD11G	06	13	6,5	01	Châm	le'
16	000288	1101020056	Đoàn Khắc	Đạt	27/06/2005	KD11G	06	14	3,0	01	Đạt	chấn
17	000289	1101020062	Đỗ Thị Hồng	Doan	08/12/2005	KD11G	06	15	6,6	01	Doan	le'
18	000290	1101020063	Lại Quảng	Đông	04/08/2005	KD11G	06	16	2,5	01	Đông	chấn
19	000291	1101020068	Nguyễn Tài	Dương	14/11/2005	KD11G	06	17	5,8	01	Dương	le'
20	000292	1101020943	Đỗ Thị Hồng	Duyên	22/02/2005	KD11G	06	18	5,5	01	Duyên	chấn
21	000293	1101020078	Phạm Thị Trà	Giang	08/04/2005	KD11G	06	19	3,8	01	Giang	le'
22	000294	1101020083	Nguyễn Thị Thu	Hà	21/06/2005	KD11G	06	20	4,8	01	Hà	chấn
23	000295	1101020085	Phùng Hải	Hà	22/06/2005	KD11G	06	21	7,3	01	Hà	le'
24	000296	1101020091	Lê Thị	Hằng	13/05/2005	KD11G	06	22	4,3	01	Hằng	chấn
25	000297	1101021334	Đinh Thu	Hiền	30/07/2005	KD11G	06	23	6,4	01	Hiền	le'
26	000298	0901020198	Nguyễn Minh	Hiếu	08/11/2003	KD11G	06	24	6,5	01	Hiếu	chấn
27	000299	1101020109	Tô Ánh	Hồng	09/09/2005	KD11G	06	25	6,8	01	Hồng	le'
28	000300	1101020568	Trần Quang	Huy	13/04/2005	KD11G	06	26	2,0	01	Huy	chấn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000301	1101020123	Nguyễn Ngọc	Huyền	30/07/2005	KD11G	06	27	1,8	01	Huyền	lẻ
30	000302	1101020130	Phạm Thị	Khánh	01/11/2005	KD11G	06	28	3,8	01	Khánh	chẵn
31	000303	1101020977	Trần Trung	Kiên	22/02/2005	KD11G	06	29	6,0	01	Trần	lẻ
32	000304	1101021205	Phạm Thị Ngọc	Lan	04/05/2005	KD11G	06	30	2,8	01	Lan	chẵn
33	000305	1101020139	Hoàng Thị	Lệ	21/01/2005	KD11G	06	31	7,5	01	Lệ	lẻ
34	000306	1101020150	Lưu Thùy	Linh	02/01/2005	KD11G	06	32	6,0	01	Linh	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 32

Tổng số tờ giấy thi: 32

Tổng số biên bản: 0

Ngày 09 tháng 01 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

(Signature)
(Signature)
 Nguyễn Thị Hải Hương Nguyễn Thị Hằng Hải



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Kế toán hành chính sự nghiệp

Đề thi/kỳ

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000307	1101020166	Vũ Nguyễn Thùy	Linh	12/08/2005	KD11G	06	33	6,0	1	Linh	Lẻ
2	000308	1101020168	Vũ Thị Khánh	Linh	10/12/2005	KD11G	06	34	2,5	1	Linh	chẵn
3	000309	1101021345	Đỗ Thị Thanh	Loan	03/12/2005	KD11G	06	35	5,0	1	loan	lẻ
4	000310	1101020172	Phạm Thị	Loan	05/02/2005	KD11G	06	36	1,8	1	Loan	chẵn
5	000311	1101020197	Phạm Thị	Nga	01/02/2003	KD11G	06	37	6,1	1	Nga	lẻ
6	000312	1101021333	Nguyễn Hoàn	Ngọc	07/08/2005	KD11G	06	38	4,0	1	Ngọc	chẵn
7	000313	1101020207	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	08/11/2005	KD11G	06	39	5,3	1	Ngọc	lẻ
8	000314	1101020212	Bùi Thị	Nguyệt	06/07/2005	KD11G	06	40	3,5	1	Nguyệt	chẵn
9	000315	1101020221	Phạm Yến	Nhi	09/08/2005	KD11G	06	41	5,3	1	Nhi	lẻ
10	000316	1101020658	Lương Tâm	Như	12/09/2004	KD11G	06	42	2,3	1	Như	chẵn
11	000317	1101021019	Trần Hồng	Nhung	30/11/2005	KD11G	06	43	6,4	1	Nhung	lẻ
12	000318	1101020229	Nguyễn Thị	Oanh	16/10/2005	KD11G	06	44	2,5	1	Oanh	chẵn
13	000319	1101020236	Lý Thu	Phương	28/07/2005	KD11G	06	45	8,3	1	Phu	lẻ
14	000320	1101021025	Vương Thị	Phương	30/06/2005	KD11G	06	46	6,5	1	Phu	chẵn
15	000321	1101021029	Vũ Thị Như	Quỳnh	18/08/2005	KD11G	06	47	4,3	1	Quỳnh	lẻ
16	000322	1101020258	Bùi Phương	Thanh	26/06/2005	KD11G	06	48	2,8	1	Thanh	chẵn
17	000323	1101020894	Nguyễn Minh	Thành	14/02/2005	KD11G	06	49	6,8	1	Thành	lẻ
18	000324	1101020265	Nguyễn Phương	Thảo	27/07/2005	KD11G	06	50	4,0	1	Thao	chẵn
19	000325	1101020276	Nguyễn Thị Anh	Thư	25/11/2005	KD11G	06	51	3,8	1	Thư	lẻ
20	000326	1101020364	Lê Tô	Trang	12/09/2005	KD11G	06	52	3,8	1	Trang	chẵn
21	000327	1101020297	Lục Hà	Trang	11/03/2005	KD11G	06	53	6,3	1	Trang	lẻ
22	000328	1101020304	Nguyễn Thị Huyền	Trang	08/02/2005	KD11G	06	54	3,3	1	Trang	chẵn
23	000329	1101021057	Nguyễn Thùy	Trang	28/10/2005	KD11G	06	55	7,0	1	Trang	lẻ
24	000330	1101021062	Lê Minh	Tuân	09/04/2005	KD11G	06	56	4,5	1	Tuân	chẵn
25	000331	1101020313	Đinh Lê Anh	Tuân	17/09/2005	KD11G	06	57	3,5	1	Tuân	lẻ
26	000332	1101020321	Hoàng Thị Thanh	Vân	15/10/2005	KD11G	06	58	5,8	1	Vân	chẵn
27	000333	1101020328	Phạm Thanh	Xuân	22/09/2005	KD11G	06	59	6,8	1	Xuân	lẻ
28	000334	1101020330	Đỗ Ngọc	Yên	01/10/2005	KD11G	06	60	5,6	1	Yên	chẵn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000335	1101020332	Đỗ Hải	Yến	23/08/2005	KD11G	06	61	5,7	01	Yến	Lẻ
30	000336	1101060914	Hoàng Thị Minh	Anh	04/04/2005	KA11A	07	62	3,3	01	Anh	Chẵn
31	000337	1101060336	Nguyễn Thị Phương	Anh	13/10/2005	KA11A	07	63	8,8	01	Anh	Lẻ
32	000338	1101060337	Hoàng Minh	Châu	27/10/2005	KA11A	07	64	3,5	01	Châu	Chẵn
33	000339	1101060048	Phạm Phương	Chi	09/11/2005	KA11A	07	65	4,0	01	Chi	Lẻ
34	000340	1101060338	Phạm Ngọc	Đại	09/03/2005	KA11A	07	66	7,3	01	Đại	Chẵn

Tổng số sinh viên dự thi:.....34

Tổng số tờ giấy thi:.....34

Tổng số biên bản:.....0

Ngày .09.. tháng .1. Năm 2026 4/8

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2



Nguyễn Thị Minh Tâm



Ngô T. An



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Kế toán hành chính sự nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000341	1101060339	Nguyễn Thị Hồng	Đào	20/11/2005	KA11A	07	134	7,0	1	Hồng	lẻ
2	000342	1101061075	Phùng Xuân Tấn	Dũng	15/02/2005	KA11A	07	135	4,3	1	Phùng	chẵn
3	000343	1101061077	Trần Khánh	Duy	10/07/2005	KA11A	07	136	4,5	1	Duy	lẻ
4	000344	1101060345	Vũ Thị Thu	Hiền	06/06/2005	KA11A	07	137	5,0	1	Hiền	chẵn
5	000345	1101060347	Nguyễn Hữu	Hoàng	21/06/2005	KA11A	07	138	5,0	1	Hoàng	lẻ
6	000346	1001060362	Trịnh Thiên	Hương	01/09/2004	KA11A	07	139	5,5	1	Hương	chẵn
7	000347	1101060350	Đỗ Thị	Lan	06/09/2005	KA11A	07	140	9,8	1	Lan	lẻ
8	000348	1101060351	Quyền Hồng	Lụa	03/11/2005	KA11A	07	141	6,0	1	Lụa	chẵn
9	000349	1101061079	Đỗ Tuấn	Mạnh	01/05/2005	KA11A	07	142	5,0	1	Mạnh	lẻ
10	000350	1101061080	Ngô Bảo	Ngọc	04/11/2005	KA11A	07	143	3,3	1	Ngô	chẵn
11	000351	1101061081	Nguyễn Bùi Bảo	Ngọc	22/12/2005	KA11A	07	144	4,8	1	Ngô	lẻ
12	000352	1101060358	Chu Thanh	Thảo	24/01/2005	KA11A	07	145	6,3	1	Thảo	chẵn
13	000353	1101060359	Nguyễn Thị	Thảo	13/08/2005	KA11A	07	146	9,3	1	Thảo	lẻ
14	000354	1101060361	Bùi Thị Phương	Thùy	15/10/2005	KA11A	07	147	4,0	1	Phụng	chẵn
15	000355	1101061043	Hoàng Thị Phương	Thùy	08/05/2005	KA11A	07	148	4,7	1	Phụng	lẻ
16	000356	1101060363	Lê Thu	Trang	14/11/2005	KA11A	07	149	9,8	01	Lê	chẵn
17	000357	1101061350	Tạ Thị Minh	Trang	12/08/2005	KA11A	07	150	6,5	01	Trang	lẻ
18	000358	1101060907	Lê Quang	Tú	09/04/2005	KA11A	07	151	4,3	01	Tú	chẵn
19	000359	1101060367	Lê Nguyễn Anh	Tuấn	12/02/2005	KA11A	07	152	3,8	01	Tuấn	lẻ
20	000360	0901060550	Ngô Hồng	Triệu	06/06/2003	KA9A	07	153	3,0	01	Ngô	chẵn
21	000361	1001020102	Đặng Thị Thu	Hà	28/09/2004	KD10A	07	154	4,3	01	Thu	lẻ
22	000362	1001020226	Bùi Thị Lan	Nhi	08/07/2004	KD10A	07	155	5,3	01	Nhi	chẵn
23	000363	1001021057	Nguyễn Phương	Thảo	16/10/2004	KD10A	07	156	6,0	01	Thảo	lẻ
24	000364	1001020338	Nguyễn Thị Ngọc	Vui	31/07/2004	KD10A	07	157	5,5	01	Vui	chẵn
25	000365	1001020472	Lương Tuấn	Anh	06/08/2004	KD10B	07	158	8,8	01	Anh	lẻ
26	000366	1001020222	Trịnh Minh	Ngọc	30/06/2004	KD10B	07	160	5,5	01	Ngô	chẵn
27	000367	1001020123	Nguyễn Minh	Hiền	27/11/2004	KD10C	07	159	2,3	01	Minh	lẻ
28	000368	1001020335	Đinh Quang	Vinh	11/02/2004	KD10E	07					Vinh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000369	1001020037	Nguyễn Hoàng	Anh	03/01/2004	KD10G	07	161	1,8	01	Anh	li
30	000370	0810210798	Phạm Mai	Linh	06/01/2002	KD9C	07					HP,ĐK
31	000371	0901020782	Lê Đức	Nam	17/08/2003	KD9H	07	162	9,2	01	Nam	HP chủ nộp
32	000372	0901020497	Đào Ngọc	Minh	24/11/2003	KD9M	07					HP Vắng
33	000373	1001030539	Nguyễn Việt	Hà	02/04/2004	QT10B	07	163	mười	01	Hà	

Tổng số sinh viên dự thi:....30...

Tổng số tờ giấy thi:.....30.

Tổng số biên bản:.....2...

Ngày ..09 tháng ..1 Năm ...2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Quản Thi Thu Hằng

Hg Đỗ Thu Hằng